|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THPT KIM SƠN B | **ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI LỚP 12 CẤP TỈNH** **Năm 2024****MÔN ĐỊA LÍ (Đề số 6)** |
|  | *Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề* |

**PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Lãnh thổ phần đất liền nước ta theo chiều Tây - Đông có hệ tọa độ địa lý từ kinh độ 102009’ Đ đến 109028’ Đ làm cho nước ta

**A.** có gió tín phong hoạt động và nền nhiệt độ cao.

**B.** thiên nhiên có sự phân hóa theo chiều Đông -Tây

**C. c**ó lượng mưa lớn và gió mùa hoạt động quanh năm.

**D.** phần lớn lãnh thổ nước ta nằm trong một múi giờ.

**Câu 2.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho diện tích rừng ngập mặn ở khu vực Nam Bộ giảm nhanh trong những năm gần đây là

**A.** chuyển đổi mục đích kinh tế. **B.** thiên tai hạn hán, cháy rừng.

**C.** khai thác lấy gỗ và đô thị hóa. **D.** nước biển dâng, ô nhiễm môi trường.

**Câu 3.** Thế mạnh nổi bật trong thời kì cơ cấu dân số vàng của nước ta hiện nay là

**A.** lực lượng lao động dồi dào và trẻ. **B.** lao động đông, nguồn dự trữ lớn.

**C.** lao động đông, trình độ ở mức cao. **D.** trình độ ở mức cao, nguồn dự trữ lớn.

**Câu 4.** Tỉ lệ thời gian được sử dụng và năng suất lao động ở nông thôn nước ta ngày càng tăng nhờ

**A.** việc thực hiện công nghiệp hoá nông thôn.

**B.** việc đa dạng hoá cơ cấu kinh tế ở nông thôn.

**C.** thanh niên nông thôn đã ra thành thị tìm việc làm.

**D.** chất lượng lao động ở nông thôn đã được nâng lên.

**Câu 5.** Cán cân ngoại thương của nước ta trong những năm gần đây xuất siêu chủ yếu do

**A.** sản xuất trong nước phát triển, thị trường mở rộng, xuất khẩu tăng nhanh.

**B.** tăng xuất khẩu dầu mỏ và than, giảm nhu cầu hàng tiêu dùng cao cấp.

**C.** giảm nhập khẩu do dịch bệnh, chính sách ưu tiên dùng hàng nội địa.

**D.** hạn chế nhập khẩu nguyên nhiên liệu, đẩy mạnh xuất khẩu hàng chế biến.

**Câu 6.** Ngành vận tải đường hàng không nước ta có tốc độ phát triển và hiện đại hoá nhanh chủ yếu do

**A**. chất lượng cuộc sống tăng, thu hút vốn đầu tư nước ngoài lớn , hiện đại hoá cảng hàng không

**B**. ứng dụng khoa học công nghệ, tăng cường đội tàu bay, mở rộng mạng lưới đường bay.

**C**. cơ sở vật chất được tăng cường, phục vụ cho nhu cầu khách du lịch, thu hút vốn đầu tư.

**D**. mở rộng các tuyến đường bay quốc tế, nhu cầu cao người dân, thu hút vốn đầu tư nước ngoài lớn.

**Câu 7.** Sảnlượng thủy sản nuôi trồng ngày càng phát triển mạnh và tăng nhanh hơn sản lượng thủy sản khai thác chủ yếu là do

**A.** cải thiện kỹ thuật nuôi trồng, chủ động được về sản lượng và chất lượng.

**B.** khắc phục được dịch bệnh và nhu cầu thị trường ngày càng lớn.

**C.** diện tích mặt nước nuôi trồng tăng, khắc phục được dịch bệnh và giống.

**D.** nhiều ngư trường lớn,cải thiện kỹ thuật, giống và dịch bệnh.

**Câu 8.** Đặc điểm giống nhau cơ bản về điều kiện sinh thái nông nghiệp của Tây Nguyên và Đông Nam Bộ là

**A.** diện tích đất ba dan rộng lớn, thiếu nước vào mùa khô.

**B.** các cao nguyên xếp tầng rộng lớn, khí hậu cận xích đạo.

**C.** diện tích đất ba dan rộng lớn, khí hậu phân hóa theo độ cao.

**D.** phát triển mạnh các cây công nghiệp nhiệt đới và cây ăn quả.

**Câu 9.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho bức xạ Mặt Trời ở nước ta có sự phân hóa là

**A.** lãnh thổ kéo dài, Tín phong bán cầu Bắc, thảm thực vật.

**B.** địa hình, hoạt động của gió mùa Đông Bắc, vĩ độ địa lí.

**C.** hoạt động của gió phơn, độ cao địa hình, lãnh thổ hẹp.

**D.** hoạt động của gió màu Tây Nam, địa hình núi, giáp biển.

**Câu 10.** Nguyên nhân dẫn đến tình trạng hạn mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long ngày càng gay gắt là

**A.** địa hình thấp, có ba mặt giáp biển, mật độ sông ngòi khá lớn.

**B.** mùa khô dài, phát triển thủy điện ở đầu nguồn, nhiều cửa sông.

**C.** nhiều sông ngòi, địa hình thấp trũng, nhiệt độ cao quanh năm.

**D.** rừng ngập mặn giảm, mạng lưới sông ngoài dày đặc,bốc hơi lớn .

**Câu 11.** Trong cơ cấu lao động đang làm việc theo thành phần kinh tế ở nước ta, thành phần kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỉ trọng lao động nhỏ chủ yếu do

**A.** mới được khuyến khích phát triển, đối tượng lao động hạn chế, ít vốn đầu tư.
**B.** chỉ đầu tư vào các đô thị lớn, cần lao động chuyên môn cao, sản xuất hiện đại.
**C.** tập trung ở sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, phương tiện sản xuất hiện đại.
**D.** hoạt động kinh tế chưa đa dạng, sử dụng lao động chất lượng cao, công nghệ mới.

**Câu 12.** Đông Nam Bộ là vùng có số dân đô thị lớn nhất nước ta chủ yếu do

**A.** mật độ dân số cao, cơ cấu kinh tế đa dạng, giao thông thuận tiện, phúc lợi xã hội tốt .

**B.** dân cư đông đúc, sản xuất công nghiệp, dịch vụ phát triển, mức sống cao nhất cả nước.

**C.** dân cư tập trung đông, công nghiệp hóa nhanh, ngành dịch vụ phát triển, cơ sở hạ tầng tốt.

**D.** sức hút đầu tư lớn, có nhiều trung tâm công nghiệp, quy mô dân số lớn, kinh tế năng động.

**Câu** **13.** Hạn chế lớn nhất trong phát triển du lịch quốc tế ở nước ta là

**A.** thiên tai thường xuyên xảy ra.

**B.** sản phẩm du lịch chưa đa dạng.

**C.** cơ sở hạ tầng của ngành du lịch còn yếu kém.

**D.** môi trường tự nhiên ở nhiều vùng bị ô nhiễm

**Câu 14.** Biện pháp chủ yếu phát triển ngành dịch vụ ở Đồng bằng sông Hồng là

 **A.** đào tạo lao động, sử dụng các công nghệ mới.

 **B.** mở rộng liên kết các nước, đa dạng sản xuất.

 **C.** đẩy mạnh đô thị hóa, tăng sản xuất hàng hóa.

 **D.** mở rộng các ngành, tăng cường hiện đại hóa.

 **Câu 15.** Thuận lợi chủ yếu để phát triển chăn nuôi gia súc lớn ở Bắc Trung Bộ là

 **A.** vùng núi phía tây, khí hậu thuận lợi, nguồn lao động đông đảo.

 **B.** vùng đồi trước núi, cơ sở thức ăn dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.

 **C.** dải đồng bằng kéo dài, đất đai màu mỡ, nhu cầu lớn của thị trường.

 **D.** các bãi bồi ven sông, nhiều đồng cỏ rộng, nguồn thức ăn phong phú.

 **Câu 16.** Biện pháp nào sau đây là quan trọng nhất để nuôi tôm phát triển ổn định ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

 **A.** Sử dụng giống mới, phát triển cơ sở chế biến.

 **B.** Phòng chống thiên tai, mở rộng nhiều dịch vụ.

 **C.** Phòng chống dịch bệnh, mở rộng thị trường.

 **D.** Đảm bảo tốt thức ăn, đa dạng hoá sản phẩm.

 **Câu 17.** [Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các ngành kinh tế biển ở Đông Nam Bộ là](https://hoc247.net/cau-hoi-giai-phap-chu-yeu-de-nang-cao-gia-tri-san-xuat-cay-cong-nghiep-lau-nam-o-tay-nguyen-la--qid105328.html)

 [**A.** khai thác thế mạnh, nâng cao chất lượng cuộc sống.](https://hoc247.net/cau-hoi-giai-phap-chu-yeu-de-nang-cao-gia-tri-san-xuat-cay-cong-nghiep-lau-nam-o-tay-nguyen-la--qid105328.html)

 [**B**. thúc đẩy các ngành kinh tế khác, giải quyết việc làm.](https://hoc247.net/cau-hoi-giai-phap-chu-yeu-de-nang-cao-gia-tri-san-xuat-cay-cong-nghiep-lau-nam-o-tay-nguyen-la--qid105328.html)

 [**C.** thay đổi mạnh mẽ cơ cấu kinh tế, sự phân hóa lãnh thổ.](https://hoc247.net/cau-hoi-giai-phap-chu-yeu-de-nang-cao-gia-tri-san-xuat-cay-cong-nghiep-lau-nam-o-tay-nguyen-la--qid105328.html)

 [**D.** tăng khả năng thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.](https://hoc247.net/cau-hoi-giai-phap-chu-yeu-de-nang-cao-gia-tri-san-xuat-cay-cong-nghiep-lau-nam-o-tay-nguyen-la--qid105328.html)

 **Câu 18.** Giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao năng suất và chất lượng cây ăn quả ở Đồng bằng sông Cửu Long là

 **A.** đẩy mạnh thâm canh, liên kết vùng sản xuất, ứng phó biến đổi khíhậu.

 **B.** mở rộng diện tích đất trồng, đảm bảo nước tưới, thu hút nguồn đầutư.

 **C.** áp dụng khoa học công nghệ, phát triển chế biến, sử dụng giốngmới.

 **D.** quy hoạch vùng sản xuất, mở rộng thị trường, xây dựng thươnghiệu.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

 **Câu 1.** Cho thông tin sau:

 Tháng mưa cực đại ở Bắc Bộ là tháng VIII, ở Bắc Trung Bộ là tháng IX, ở Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ là tháng X – XI, ở Tây Nguyên và Nam Bộ là tháng IX – X. Như vậy sự hoạt động của dải hội tụ nội chí tuyến là nguyên nhân gây mưa chính ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ, còn ở Trung Trung Bộ và Nam Trung Bộ có thêm mưa địa hình và mưa frông.

**a)** Bắc Bộ có mưa nhiều vào mùa hạ chủ yếu do tác động của Tín phong bán cầu Bắc và địa hình vùng núi.

**b)** Nguyên nhân tháng mưa cực đại lùi dần từ Bắc vào Nam là do sự lùi dần của dải hội tụ nhiệt đới và bão.

**c)** Mùa mưa của vùng khí hậu Nam Trung Bộ đến muộn hơn so với cả nước chủ yếu do địa hình khuất gió.

**d)** Dải hội tụ hướng vĩ tuyến ở nước ta nằm giữa hai khối khí Bắc Ấn Độ Dương và chí tuyến bán cầu Nam.

**Câu 2.** Cho thông tin sau:

 Năm 2021, mật độ dân số trung bình của nước ta là 297 người/km2. Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên là hai vùng có mật độ dân số thấp nhất, lần lượt là 136 người/km2 và 111 người/km2. Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ là hai vùng có mật độ dân số cao nhất, lần lượt là 1 091 người/km2 và 778 người/km2.
**a**) Tây Nguyên là vùng có mật độ dân số thấp nhất nước ta.
**b**) Đồng bằng Sông Hồng là vùng có mật độ dân số cao nhất nước ta và gấp 8,07 lần mật độ dân số Tây Nguyên.
**c**) Phân bố dân cư không đồng đều giữa các vùng do sự khác nhau về điều kiện tự nhiên và trình độ phát triển kinh tế.
**d**) Đồng bằng sông Hồng là nơi dân cư tập trung đông đúc do tác động của quá trình công nghiệp hóa nhanh nhất, phát triển kinh tế và điều kiện tự nhiên thuận lợi.

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG ĐIỆN VÀ CƠ CẤU SẢN LƯỢNG ĐIỆN CỦA NƯỚC TA GIA ĐOẠN 2010 - 2021

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  **Tiêu chí** | **2010** | **2015** | **2021** |
| Sản lượng điện (tỉ kWh) | 91,7 | 157,9 | 244,9 |
| Cơ cấu sản lượng điện (%)  |
| - Thủy điện | 38,0 | 34,2 | 30,6 |
| - Nhiệt điện | 56,0 | 63,8 | 56,2 |
| - Năng lượng tái tạo | 0 | 0 | 12,3 |
| - Nguồn khác | 6,0 | 2,0 | 0,9 |

*(Nguồn: tổng cục thống kê Việt Nam năm 2016-2022)*

**a)** Sản lượng điện của nước ta tăng trong giai đoạn 2010 - 2021.  **b)** Giai đoạn 2010 – 2021sản lượng điện từ thuỷ điện có xu hướng giảm. **c)** Thủy điện đóng vai trò quan trọng và chủ yếu nhất trong cơ cấu sản lượng điện.

**d)** Năng lượng tái tạo tăng do nhu cầu phát triển kinh tế- xã hội bền vững.

**Câu 3**. Cho vào bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG VÀ SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Năm** | **2010**  | **2015**  | **2020** | **2021**  |
| Diện tích gieo trồng (triệu ha) | 7,5 | 7,8 | 7,3 | 7,2 |
| Sản lượng (triệu tấn) | 40,0 | 45,1 | 42,7 | 43,9 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê năm 2016, 2022)*

**a)** Sản lượng lúa tăng, diện tích gieo trồng lúa giảm liên tục.

**b)** Giai đoạn 2010- 2021, sản lượng lúa tăng trung bình 0,4 triệu tấn mỗi năm.

**c)** Năng suất lúa tăng liên tục, năm 2021 có năng suất lúa cao nhất.

**d)** Sản lượng lúa tăng do sử dụng nhiều giống lúa mới cao sản, chất lượng cao, áp dụng tiến bộ khoa học kĩ thuật.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

 Nhóm ngành dịch vụ phát triển theo hướng đa dạng, dựa trên nền tảng cồng nghệ hiện đại, tăng cường chuyển đổi số, đặc biệt là trong các lĩnh vực thương mại điện tử, tài chính ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, logistics, du lịch,...

**a)** Hiện nay ở nước ta xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới.

**b)** Nguyên nhân của sự xuất hiện các loại hình dịch vụ mới là do nhu cầu của sản xuất và đời sống đa dạng.

**c)** Hiện nay ưu tiên phát triển các ngành có giá trị gia tăng lớn, hàm lượng tri thức và công nghệ cao như y tế, viễn thông, logistics...

**d)** Các ngành dịch vụ đóng góp ngày càng lớn cho GDP là do nước ta đang hội nhập sâu rộng vào thị trường quốc tế.

**Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

**Câu 1.** Vào tháng 5 năm 2024 tại đỉnh núi Ngọc Linh (2 598 m) cao nhất dãy Trường Sơn Nam có nhiệt độ là 17,5 0C. Vậy nhiệt độ ở độ cao 500 m sườn Tây Nam của dãy núi tại thời điểm trên là bao nhiêu 0C *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).*

**A. 30,1**

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

Giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế ở nước ta năm 2010 và 2021

*(Đơn vị: %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2021 |
| Khu vực kinh tế Nhà nước | 10,2 | 8,1 |
| Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước  | 86,3 | 82,6 |
| Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài  | 3,5 | 9,3 |
| Tổng | 3 045,6 | 13 026,8 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, năm 2022)*

Cho biết giá trị sản xuất công nghiệp của khu vực kinh tế ngoài Nhà nước năm 2021 đã tăng lên bao nhiêu lần so với năm 2010 *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).*

**Đ/a: 4,1**

**Câu 3.** Cho bảng số liệu:

 Sản lượng công nghiệp năng lượng nước ta, giai đoạn 2010 - 2022

*(Đơn vị: tỉ kWh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2015 | 2018 | 2022 |
| Điện  | 91,7 | 157,9 | 209,2 | 258,7 |

Cho biết, trong giai đoạn 2015 - 2022, trung bình mỗi năm sản lượng điện nước ta tăng thêm bao nhiêu % *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).*

**Đ/a: 9,1**

**Câu 4.** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA ĐÔNG XUÂN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2022

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2015 | 2020 | 2022 |
| Diện tích *(nghìn ha)* | 3 085,9 | 3 168,0 | 3 024,0 | 2 992,3 |
| Sản lượng *(nghìn tấn)* | 19 216,6 | 21 091,7 | 19 874,4 | 19 976,0 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê,2023 )*

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết năng suất lúa vụ đông xuân của nước ta năm 2022 tăng thêm bao nhiêu tạ/ ha so với năm 2010 *(kết quả làm tròn đến số thập phân thứ hai).*

**A. 4,49**

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

CỰ LY VẬN CHUYỂN VÀ KHỐI LƯỢNG LUÂN CHUYỂN HÀNG HÓA

 BẰNG ĐƯỜNG BỘ Ở NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2015 | 2020 | 2021 |
| Cự li vận chuyển trung bình *(km)* | 61,7 | 58,4 | 57,3 | 57,8 |
| Khối lượng luân chuyển *(tỉ tấn.km)* | 36,2 | 51,5 | 73,5 | 75,3 |

 *(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022)*

Vậy tốc độ tăng trưởng khối lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ ở nước ta giai đoạn 2010 - 2021 *(làm tròn đến hàng đơn vị của %).*

**A. 222**

**Câu 6.** Cho bảng số liệu:

 TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN NGÀNH DU LỊCH NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm | 2010 | 2015 | 2019 | 2021 |
| Tổng số*(triệu lượt khách)* | 33,0 | 64,9 | 95,5 | 85,3 |
| Doanh thu của các cơ sở lưu trú*(nghìn tỷ đồng)* | 96,0 | 355,5 | 637,0 | 588,6 |

*(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Hãy cho biết bình quân chi tiêu của khách du lịch năm 2021 tăng so với năm 2010 là bao nhiêu nghìn đồng *(làm tròn đến hàng đơn vị).*

**A. 3 991**